



Số: 195/TTr - MB - HĐQT

Hà Nội, ngày 4 tháng 04 năm 2022

TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI

V/v thông qua Phương án tăng vốn điều lệ

Kính trình: **Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng TMCP Quân đội;**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Quân đội;

Căn cứ các quy định pháp luật và quy định của Ngân hàng TMCP Quân đội có liên quan;

Căn cứ nhu cầu thực tiễn hoạt động của Ngân hàng TMCP Quân đội;

Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua Phương án tăng vốn điều lệ từ 37.783.217.770.000 đồng lên 46.882.261.330.000 đồng, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

Việc MB tiếp tục tăng vốn điều lệ là cần thiết và có ý nghĩa quan trọng nhằm nâng cao năng lực tài chính, năng lực hoạt động và khả năng cạnh tranh của MB. Cụ thể:

- Thực hiện chuyển tiếp trong năm 2022 các phương án tăng vốn điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua năm 2021 để đảm bảo tăng quy mô vốn điều lệ hàng năm;
- Đảm bảo tuân thủ, đáp ứng tốt các chỉ tiêu an toàn trong hoạt động ngân hàng, nâng cao khả năng quản trị rủi ro trong hoạt động ngân hàng;
- Nâng cao khả năng đầu tư tăng năng lực cho MB và phát triển mở rộng mạng lưới, bổ sung vốn kinh doanh sinh lời trong các hoạt động.
- Bảo toàn và phát triển vốn điều lệ phù hợp với quy định pháp luật.

II. KẾ HOẠCH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

1. Mức tăng vốn điều lệ

- Vốn điều lệ tại thời điểm 31/12/2021: 37.783.217.770.000 đồng (Bằng chữ: Ba mươi bảy nghìn bảy trăm tám mươi ba tỷ hai trăm mười bảy triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng) trong đó:

- + Số lượng cổ phần phổ thông đã phát hành: 3.778.321.777 cổ phần;
- + Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành: 3.778.321.777 cổ phần;
- + Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phần;
- + Số lượng cổ phần ưu đãi: 0 cổ phần.

- Tổng mức vốn điều lệ dự kiến tăng thêm: 9.099.043.560.000 đồng, (Bằng chữ: Chín nghìn không trăm chín mươi chín tỷ không trăm bốn mươi ba triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng), bao gồm:

(Chữ ký và dấu)

+ Vốn điều lệ dự kiến tăng thêm từ việc tiếp tục triển khai phương án tăng vốn điều lệ đã được ĐHĐCĐ MB năm 2021 thông qua¹ và NHNN chấp thuận² : **892.400.000.000** đồng (Bằng chữ: Tám trăm chín mươi hai tỷ, bốn trăm triệu đồng). Chi tiết tại Mục II.2.

+ Vốn điều lệ dự kiến tăng thêm từ việc triển khai phương án tăng vốn điều lệ mới năm 2022: **8.206.643.560.000** đồng (Bằng chữ: Tám nghìn hai trăm linh sáu tỷ, sáu trăm bốn ba triệu, năm trăm sáu mươi nghìn đồng). Chi tiết tại Mục 3.

- Vốn điều lệ dự kiến sau khi hoàn thành việc tăng vốn điều lệ trong năm 2022 là **46.882.261.330.000** đồng (Bằng chữ: Bốn mươi sáu nghìn tám trăm tám mươi hai tỷ hai trăm sáu mươi một triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng).

2. Tiếp tục triển khai Phương án tăng vốn điều lệ năm 2021 (Mục 2.2 và Mục 2.3 của Phương án tăng vốn điều lệ theo Quyết nghị của ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 số 10/NQ-MB-ĐHĐCĐ ngày 27/4/2021).

Thời gian thực hiện: trong năm 2022. Thời gian thực hiện cụ thể giao và ủy quyền Hội đồng Quản trị quyết định trên cơ sở Giấy phép/Chấp thuận của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền và điều kiện thị trường phù hợp.

3. Phương án tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức

Tăng vốn điều lệ thêm **7.556.643.560.000** đồng thông qua phát hành **755.664.356** cổ phần phổ thông để trả cổ tức (tương đương với tỷ lệ 20% tổng số cổ phần phổ thông đang lưu hành tại thời điểm 31/12/2021).

- **Đối tượng phát hành:** Cổ đông hiện hữu có tên trên Danh sách cổ đông được thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu phổ thông phù hợp quy định pháp luật từng thời kỳ.

- **Số lượng cổ phần phát hành:** **755.664.356** cổ phần phổ thông, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

- **Tổng mệnh giá phát hành:** **7.556.643.560.000** đồng.

- **Nguồn thực hiện:** Từ lợi nhuận sau thuế để lại lũy kế MB của năm 2021, phù hợp quy định. Trong đó:

+ Lợi nhuận sau thuế hợp nhất MB năm 2021: 13.221.438.025.735 đồng;

+ Lợi nhuận sau thuế riêng MB năm 2021: 11.554.421.934.768 đồng;

+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế hợp nhất MB năm 2021: 12.915.148.604.778 đồng;

+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế riêng MB năm 2021: 11.601.747.701.622 đồng;

+ Lợi nhuận để lại sau thuế lũy kế riêng MB sau khi trích lập các quỹ năm 2021 dự kiến: 8.655.370.108.256 đồng.

- **Thời gian hạn chế chuyển nhượng:** Cổ phiếu phổ thông phát hành cho cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng.

- **Thời gian dự kiến phát hành:** Trong năm 2022. Thời gian thực hiện cụ thể do Hội đồng Quản trị quyết định trên cơ sở Giấy phép/Chấp thuận của các Cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền và điều kiện thị trường phù hợp.

- **Phương án xử lý phần lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ, chưa phân phối hết:** Số lượng cổ phiếu phát hành theo tỷ lệ phân phối quyền đối với từng cổ đông được tính theo số nguyên, phần thập phân sẽ không được làm tròn thành 01 cổ phiếu. Phương án xử lý số phần lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ, cổ phiếu

¹ Theo Quyết nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên MB năm 2021 số 10/NQ-MB-ĐHĐCĐ ngày 27/4/2021.

² Theo chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước tại Văn bản số 8847/NHNN-TTGSNH ngày 15/12/2021.

[Handwritten signatures and initials]

chưa phân phối hết phát sinh (nếu có) do Hội đồng Quản trị quyết định phù hợp quy định pháp luật, bao gồm nhưng không giới hạn việc chuyển cho Công đoàn cơ sở MB quản lý và phân phối.

4. Phương án tăng vốn điều lệ thông qua chào bán cổ phiếu riêng lẻ mới thêm dự kiến 65.000.000 cổ phần phổ thông, tương đương tối đa 650.000.000.000 đồng:

- **Tiêu chí lựa chọn đối tượng được chào bán:** là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định pháp luật, có đủ tiềm lực tài chính, có năng lực kinh doanh, công nghệ, có thể hợp tác phát triển các hoạt động kinh doanh phù hợp chiến lược của MB, mô hình kinh doanh có thể liên kết chặt chẽ với MB để tạo ra giá trị. Ưu tiên: các doanh nghiệp lớn, đã có thương hiệu mạnh/ đánh giá xếp hạng cao trên thị trường, am hiểu về chiến lược và văn hóa kinh doanh của MB (không giới hạn các cổ đông lớn của MB, ngoại trừ các đối tượng được chào bán tại Mục II.2).

- **Số lượng nhà đầu tư:** Số lượng nhà đầu tư được chào bán tối đa không quá số lượng nhà đầu tư chuyên nghiệp theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

- **Số lượng cổ phiếu chào bán cho các nhà đầu tư:** tùy thuộc vào năng lực và sự cam kết của (các) nhà đầu tư trên cơ sở thỏa thuận và các nội dung hợp tác của các bên. Ủy quyền và giao Hội đồng Quản trị quyết định số lượng cụ thể cổ phiếu chào bán cho các nhà đầu tư, hài hòa quyền lợi của cổ đông và MB, phù hợp quy định.

- **Mệnh giá cổ phần phát hành:** 10.000 đồng/cổ phần.

- **Tổng mệnh giá phát hành dự kiến:** tối đa 650.000.000.000 đồng.

- **Giá chào bán:** Giá thỏa thuận không thấp hơn giá trị sổ sách theo báo cáo tài chính được kiểm toán/soát xét tại thời điểm gần nhất (*tương tự phương án tăng vốn điều lệ thông qua chào bán cổ phiếu riêng lẻ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua năm 2021 tại mục 2.1*). Ủy quyền và giao Hội đồng Quản trị quyết định giá chào bán cho từng nhà đầu tư được chào bán cụ thể, hài hòa quyền lợi của cổ đông và MB, phù hợp quy định.

- **Thời gian hạn chế chuyển nhượng:** Cổ phiếu phổ thông chào bán cho các Nhà đầu tư chuyên nghiệp sẽ bị hạn chế chuyển nhượng phù hợp quy định pháp luật và thỏa thuận giữa MB và các nhà đầu tư.

- **Thời gian chào bán:** Trong năm 2022 và 2023. Thời gian thực hiện cụ thể do Hội đồng Quản trị quyết định trên cơ sở Giấy phép/Chấp thuận của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền và điều kiện thị trường phù hợp.

5. Thời gian dự kiến hoàn thành việc tăng vốn điều lệ

Thời hạn hoàn thành việc tăng vốn điều lệ thực hiện theo quy định tại Giấy phép/Chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền.

6. Công bố thông tin

MB thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Cơ quan có thẩm quyền (nếu có).

7. Danh sách cổ đông và tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn

Theo Bảng 1, 2, 3 tại Phụ lục 01 đính kèm.

8. Danh sách cổ đông và người có liên quan có tỷ lệ sở hữu cổ phần từ 20% trở lên so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn

M 31

MB không có cổ đông và người có liên quan có tỷ lệ sở hữu cổ phần từ 20% trở lên so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn.

9. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn

Tỷ lệ sở hữu cổ phần MB của nhà đầu tư nước ngoài tối đa hiện tại và dự kiến sau tăng vốn là: 23,2351% vốn Điều lệ MB. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài. Trong trường hợp thay đổi tỷ lệ sở hữu tối đa cổ phần MB của nhà đầu tư nước ngoài, Hội đồng Quản trị sẽ báo cáo xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông phù hợp quy định.

10. Kế hoạch sử dụng vốn tăng thêm

Vốn điều lệ tăng thêm (dự kiến 9.099.043.560.000 đồng, bằng chữ: Chín nghìn không trăm chín mươi chín tỷ không trăm bốn mươi ba triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng) được sử dụng bổ sung vốn đầu tư tăng năng lực và đầu tư bổ sung vốn kinh doanh cho MB trên nguyên tắc an toàn, hiệu quả và mang lại lợi ích cho các cổ đông. Dự kiến sử dụng như sau:

- **Đầu tư tăng năng lực** (bao gồm việc đầu tư hệ thống, giải pháp công nghệ thông tin, đầu tư trụ sở của MB tại khu vực Hồ Chí Minh và đầu tư khác cần thiết cho việc ổn định và phát triển hoạt động kinh doanh của ngân hàng): 5.811.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm nghìn tám trăm mười một tỷ đồng);

- **Bổ sung vốn đầu tư kinh doanh khác** (bao gồm bổ sung vốn cho các hoạt động kinh doanh, mô hình kinh doanh mới, ...): 3.288.043.560.000 đồng (Bằng chữ: Ba nghìn hai trăm tám mươi tám tỷ không trăm bốn mươi ba triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng).

III. HIỆU QUẢ KINH DOANH TRÊN CƠ SỞ MỨC VỐN ĐIỀU LỆ MỚI

Với phương án tăng vốn điều lệ và sử dụng vốn điều lệ tăng thêm như trên, MB dự kiến một số chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh chính năm 2022 như sau:

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	KQ 2021		KH 2022 (*)
		Hợp nhất	Riêng lẻ	
1	Vốn điều lệ	37.783	37.783	Tăng ~24%
2	Huy động tiền gửi của khách hàng	440.040	442.403	Tăng trưởng phù hợp nhu cầu sử dụng vốn
3	Tổng tài sản	607.140	577.010	Tăng ~15%
4	Tín dụng	405.923	379.504	Tăng trưởng theo giới hạn NHNN
5	Tỷ lệ nợ xấu	0,90%	0,68%	Tối đa 1,5%
6	Lợi nhuận trước thuế	16.527	14.398	Tăng ~ 23% ~ 20.300 tỷ đồng
7	Cổ tức	20%	20%	Dự kiến ~15%
8	Tỷ lệ an toàn vốn	11,28%	11,02%	Đảm bảo tuân thủ quy định NHNN
9	Các tỷ lệ bảo đảm an toàn khác	Tuân thủ quy định		Đảm bảo tuân thủ

TT	Chỉ tiêu	KQ 2021		KH 2022 (*)
		Hợp nhất	Riêng lẻ	
		của NHNN		quy định NHNN
10	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	23,49%	22,21%	~22% - 24%
11	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản có bình quân (ROA)	2,40%	2,19%	~2% - 2,5%

(*) Kế hoạch hợp nhất năm 2022 (Các tỷ lệ tăng trưởng so sánh với kết quả thực hiện năm 2021)

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua:

1. Thông qua Phương án tăng vốn điều lệ của MB theo mục II như trên;
2. Thông qua việc đăng ký, lưu ký và đăng ký giao dịch chứng khoán bổ sung; đăng ký niêm yết bổ sung toàn bộ số cổ phiếu phát hành thêm tại cơ quan có thẩm quyền;
3. Ủy quyền và giao nhiệm vụ cho Hội đồng Quản trị quyết định các nội dung cụ thể triển khai thực hiện, tổ chức thực hiện Phương án tăng vốn nêu trên và quyết định thời gian, lộ trình, thứ tự thực hiện các phương án tăng vốn điều lệ cụ thể phù hợp nhu cầu thực tiễn hoạt động của MB, quy định pháp luật và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền, trên cơ sở hài hòa lợi ích của cổ đông; thực hiện các thủ tục có liên quan với các cơ quan có thẩm quyền để triển khai thực hiện Phương án tăng vốn, bao gồm nhưng không giới hạn trong các vấn đề sau:
 - 3.1. Xem xét, quyết định thời điểm phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, thời điểm chốt danh sách cổ đông có quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu; quyết định lựa chọn, xác định nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp và cán bộ nhân viên MB đáp ứng các tiêu chí lựa chọn đã được ĐHĐCĐ thông qua và quyết định số lượng cổ phiếu chào bán cụ thể cho các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp và cán bộ nhân viên MB, phù hợp với phương án tăng vốn nêu tại mục II, thực tế và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.
 - 3.2. Quyết định các nội dung cụ thể và việc điều chỉnh đối với kế hoạch sử dụng vốn thu được trên cơ sở hiệu quả, phù hợp với thực tế kinh doanh của MB và phù hợp quy định pháp luật.
 - 3.3. Quyết định việc thực hiện các thủ tục và ký hồ sơ, tài liệu có liên quan để thực hiện: (i) đăng ký, lưu ký, đăng ký giao dịch chứng khoán bổ sung, đăng ký niêm yết bổ sung; (ii) sửa đổi, bổ sung Giấy phép, Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp, Điều lệ, các thủ tục, hồ sơ, giấy tờ pháp lý khác có liên quan đến việc cập nhật mức Vốn điều lệ mới theo thực tế kết quả thực hiện Phương án tăng vốn; (iii) thủ tục khác có liên quan theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.
 - 3.4. Giao nhiệm vụ cho Hội đồng Quản trị tìm kiếm và nghiên cứu các phương án tăng vốn thông qua phát hành trái phiếu trong trường hợp có các điều kiện thị trường thuận lợi, bao gồm các phương án như sau: (i) phát hành trái phiếu chuyển đổi, hoặc (ii) phát hành trái phiếu trên thị trường quốc tế. Sau khi có phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi/trái phiếu quốc tế cụ thể, Hội đồng Quản trị sẽ báo cáo/xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông phù hợp quy định pháp luật.
4. Thông qua việc niêm yết, giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài đối với tối đa toàn bộ hoặc một phần trái phiếu được chào bán tại nước ngoài (nếu có) từ phương án nêu tại mục 3.4 ở trên và việc niêm yết trái phiếu sau khi hoàn tất chào bán tại thị trường Việt Nam phù hợp quy định. Ủy quyền và giao nhiệm vụ cho Hội đồng Quản trị quyết định và thực

5

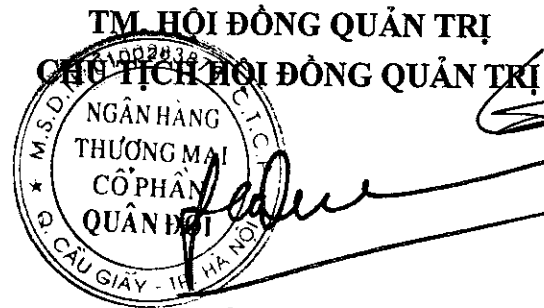
hiện các nội dung cụ thể liên quan đến phương án chào bán, niêm yết, giao dịch trái phiếu ở nước ngoài và các thủ tục cần thiết với cơ quan, tổ chức, cá nhân tại Việt Nam và nước ngoài.

5. Trong quá trình thực hiện các nội dung nêu trên, Hội đồng Quản trị có quyền: (i) Quyết định các nội dung trong phạm vi nhiệm vụ được giao/ủy quyền; (ii) Thực hiện và/hoặc chỉ đạo, phân công, giao nhiệm vụ cho các Đơn vị, cá nhân tại MB: Thực hiện các công việc cần thiết theo quy định; Hoàn chỉnh, hoàn thiện và ký các văn bản, tài liệu có liên quan; Làm việc và thực hiện các thủ tục với Cơ quan có thẩm quyền và các bên có liên quan; Thực hiện công việc và thủ tục cần thiết khác để triển khai nhiệm vụ được giao và ủy quyền, phù hợp quy định pháp luật.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua!

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- NHNN VN;
- HĐQT, BKS, TGD;
- Lưu VP HĐQT./.



Lê Hữu Đức

PHỤ LỤC 01 : DANH SÁCH CỔ ĐÔNG VÀ TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA CỔ ĐÔNG CÓ TỶ LỆ SỞ HỮU TỪ 5% TRỞ LÊN SO VỚI VỐN CỔ PHẦN CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT VÀ SO VỚI VỐN ĐIỀU LỆ THỜI ĐIỂM HIỆN TẠI VÀ DỰ KIẾN SAU KHI TĂNG VỐN³

(Kèm theo tờ trình số 195/TTr - MB - HĐQT ngày 04 / 4 / 2022)

BẢNG 1

ST T	Tên cổ đông	Số ĐKSH	Địa chỉ	Người đại diện theo pháp luật	0. Trước khi tăng vốn 28/2/2022 Vốn điều lệ: 37.783.217.770.000 đồng Vốn cổ phần có quyền biểu quyết: 37.783.217.770.000 đồng			1. Tăng vốn cổ tức 20% Vốn điều lệ 45.339.861.330.000 đồng Vốn cổ phần có quyền biểu quyết 45.339.861.330.000 đồng		
					Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)	Tỷ lệ sở hữu/Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (%)	Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)	Tỷ lệ sở hữu/Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (%)
1	Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	0300514849	722 Điện Biên Phủ, Q.Bình Thạnh, HCM	Ngô Minh Thuận CCCD số 034071002516 do Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 27/11/2017	272.444.388	7,21	7,21	326.933.265	7,21	7,21
2	Tổng Công ty trực thăng Việt Nam - Công ty trách nhiệm hữu hạn và chi nhánh			Kiều Đăng Hùng số CMT 96028489 do Tổng cục chính trị cấp ngày 30/09/2018	324.165.524	8,58	8,58	388.998.628	8,58	8,58
2.1	Tổng Công ty trực thăng Việt Nam - Công ty trách nhiệm hữu hạn	0100107966	Số 172 đường Trường Chinh, P.Khuong Thượng, Đống Đa, Hà Nội		309.535.980	8,19	8,19	371.443.176	8,19	8,19
2.2	Chi nhánh Tổng công ty Trực thăng Việt Nam- Công ty trách nhiệm hữu hạn -Công ty Trực thăng Miền Nam	0100107966-006	36 Đường 30/4, P9, TP Vũng Tàu		14.629.544	0,39	0,39	17.555.452	0,39	0,39
3	Tập đoàn Công nghiệp-Viên thông Quân đội và công ty con				699.520.353	18,51	18,51	839.424.422	18,51	18,51
3.1	Tập đoàn Công nghiệp-Viên thông Quân đội	0100109106	Số 1 đường Trần Hữu Dực, phường Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội	Tào Đức Thắng 038073038880 Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp 21/12/2021	534.157.964	14,14	14,14	640.989.556	14,14	14,14
3.2	Công ty TNHH nhà nước MTV Thương Mại và xuất nhập khẩu VIETTEL	0104831030	1 Giang Văn Minh Ba Đình HN	Phạm Văn Hùng- Số CMT 15027953 Tổng Cục Chính Trị cấp 15/08/2016	165.362.389	4,38	4,38	198.434.866	4,38	4,38

³ Tính toán trên giả thiết thứ tự thực hiện các phương án 1-2-3-4 theo Bảng 1,2,3, có thể thay đổi trong trường hợp thứ tự các phương án có sự thay đổi theo quyết định của HĐQT trên cơ sở ủy quyền của ĐHĐCĐ và tình hình thị trường.

Trường hợp có thay đổi danh sách cổ đông lớn sở hữu từ 5% vốn điều lệ trở lên sau khi thực hiện phương án tăng vốn điều lệ như trên, HĐQT sẽ báo cáo lại ĐHĐCĐ theo quy định.

ST T	Tên cổ đông	Số ĐKSH	Địa chỉ	Người đại diện theo pháp luật	0. Trước khi tăng vốn 28/2/2022 Vốn điều lệ: 37.783.217.770.000 đồng Vốn cổ phần có quyền biểu quyết: 37.783.217.770.000 đồng			1. Tăng vốn cổ tức 20% Vốn điều lệ 45.339.861.330.000 đồng Vốn cổ phần có quyền biểu quyết 45.339.861.330.000 đồng		
					Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)	Tỷ lệ sở hữu/Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (%)	Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)	Tỷ lệ sở hữu/Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (%)
4	Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà Nước-Công ty TNHH	01019929 21	Số 117 Trần Duy Hưng, P Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	Nguyễn Chí Thành CCCD số 001072002368 do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 21/10/2015	356.105.309	9,42	9,42	427.326.370	9,42	9,42
	TỔNG CỘNG				1.652.235.574	43,7	43,7	1.982.682.685	43,7	43,7

Handwritten signature/initials.

Handwritten mark.

BẢNG 2:

STT	Tên cổ đông ⁴	2. Tăng vốn PH riêng lẻ 70 triệu CP Vốn điều lệ 46.039.861.330.000 đồng Vốn cổ phần có quyền biểu quyết 46.039.861.330.000 đồng		
		Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)	Tỷ lệ sở hữu/Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (%)
1	Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	326.933.265	7,10	7,10
2	Tổng Công ty trực thăng Việt Nam - Công ty trách nhiệm hữu hạn và chi nhánh	388.998.628	8,45	8,45
2.1	Tổng Công ty trực thăng Việt Nam - Công ty trách nhiệm hữu hạn	371.443.176	8,07	8,07
2.2	Chi nhánh Tổng công ty Trực thăng Việt Nam- Công ty trách nhiệm hữu hạn - Công ty Trực thăng Miền Nam	17.555.452	0,38	0,38
3	Tập đoàn Công nghiệp-Viễn thông Quân đội và công ty con	909.424.422	19,75	19,75
3.1	Tập đoàn Công nghiệp-Viễn thông Quân đội	683.989.556	14,86	14,86
3.2	Công ty TNHH nhà nước MTV Thương Mại và xuất nhập khẩu VIETTEL	225.434.866	4,90	4,90
4	Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà Nước-Công ty TNHH	427.326.370	9,28	9,28
	TỔNG CỘNG	2.052.682.685	44,6	44,6

⁴ Thông tin định danh (Số ĐKSH, Địa chỉ, Người đại diện theo pháp luật) tại bảng 1

BẢNG 3⁵

STT	Tên cổ đông ⁶	3. Tăng vốn PH ESOP Vốn điều lệ 46.232.261.330.000 đồng Vốn cổ phần có quyền biểu quyết 46.232.261.330.000 đồng			4. Tăng vốn PH riêng lẻ 65 triệu CP Vốn điều lệ 46.882.261.330.000 đồng Vốn cổ phần có quyền biểu quyết 46.882.261.330.000 đồng					
		Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)	Tỷ lệ sở hữu/Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (%)	Cổ phần		Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)		Tỷ lệ sở hữu/Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (%)	
					Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa
1	Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	326.933.265	7,07	7,07	326.933.265	391.933.265	6,97	8,36	6,97	8,36
2	Tổng Công ty trực thăng Việt Nam - Công ty trách nhiệm hữu hạn và chi nhánh	388.998.628	8,41	8,41	388.998.628	453.998.628	8,30	9,68	8,30	9,68
2.1	Tổng Công ty trực thăng Việt Nam - Công ty trách nhiệm hữu hạn	371.443.176	8,03	8,03	371.443.176	436.443.176	7,92	9,31	7,92	9,31
2.2	Chi nhánh Tổng công ty Trực thăng Việt Nam - Công ty trách nhiệm hữu hạn - Công ty Trực thăng Miền Nam	17.555.452	0,38	0,38	17.555.452	82.555.452	0,37	1,76	0,37	1,76
3	Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội và công ty con	909.424.422	19,67	19,67	909.424.422	909.424.422	19,40	19,40	19,40	19,40
3.1	Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội	683.989.556	14,79	14,79	683.989.556	683.989.556	14,59	14,59	14,59	14,59
3.2	Công ty TNHH nhà nước MTV Thương Mại và xuất nhập khẩu VIETTEL	225.434.866	4,88	4,88	225.434.866	225.434.866	4,81	4,81	4,81	4,81
4	Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà Nước - Công ty TNHH	427.326.370	9,24	9,24	427.326.370	492.326.370	9,11	10,50	9,11	10,50
	TỔNG CỘNG	2.052.682.685	44,40	44,40	2.052.682.685	2.117.682.685	43,78	45,17	43,78	45,17

⁵ Số lượng cổ phần / tỷ lệ sở hữu được dự kiến của các cổ đông lớn được dự kiến theo 2 trường hợp tối đa và tối thiểu. Trong đó:

+ Tối thiểu: trường hợp từng cổ đông lớn không tham gia đợt chào bán riêng lẻ;

+ Tối đa: trường hợp từng cổ đông lớn tham gia mua tối đa số phiếu chào bán riêng lẻ 65.000.000 CP.

⁶ Thông tin định danh (Số ĐKSH, Địa chỉ, Người đại diện theo pháp luật) tại bảng 1